

BÁO CÁO

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2024 ĐỐI VỚI KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2023 CHO NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 VÀ CÁC KIẾN NGHỊ NĂM TRƯỚC CHƯA THỰC HIỆN

Căn cứ các Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán năm 2024 và số liệu trên phần mềm thực hiện kiến nghị của các đơn vị được giao chủ trì kiểm toán năm 2023 đối với niên độ ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2022 và các kiến nghị năm trước chưa thực hiện, kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2024¹ như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2024 ĐỐI VỚI KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2023 CHO NIÊN ĐỘ NSNN NĂM 2022

1. Về kiến nghị xử lý tài chính; kiến nghị khác (thu hồi và giảm chi cho doanh nghiệp, kiến nghị khác, giảm lỗ)

1.1. Tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Kiến nghị khác
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX	Thu hồi, giảm chi ĐT	
A	B	1=2+3	2=2.1+2.2+2.3	2.1	2.2	2.3	3
1	Số kiến nghị (1)	49.941,38	21.346,12	3.840,95	15.333,39	2.171,78	28.595,26
2	Số điều chỉnh giảm (2)	1,60	1,60	0,00	0,15	1,45	-
3	Số điều chỉnh tăng (3)	0,33	0,17	-	0,17	-	0,16
4	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	158,83	148,93	15,58	49,11	84,25	9,90
5	Số thực hiện trong kỳ (5)	41.465,64	19.834,41	3.701,93	14.204,73	1.927,75	21.631,23
6	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)=(4)+(5)	41.624,48	19.983,34	3.717,51	14.253,84	2.012,00	21.641,13
7	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8.315,63	1.361,34	123,44	1.079,56	158,33	6.954,29
8	Tỷ lệ (8=6/(1-2+3)*100%	83,35%	93,62%	96,79%	92,96%	92,70%	75,68%
(1)	Vụ Pháp chế	100,00%	100,00%	0%	0%	100%	0,00%
(2)	KTNN chuyên ngành Ia	93,9%	98,9%	100,0%	99,2%	93,0%	91,51%
(3)	KTNN chuyên ngành Ib	86,4%	88,9%	93,0%	99,2%	61,4%	84,13%
(4)	KTNN chuyên ngành II	99,67%	99,70%	99,84%	97,73%	99,83%	99,19%
(5)	KTNN chuyên ngành III	64,77%	29,01%	99,72%	23,73%	100,00%	84,55%

¹ Số liệu khai thác trên phần mềm theo dõi thực hiện kiến nghị kiểm toán tại thời điểm 31/3/2025.

(6)	KTNN chuyên ngành IV	89,2%	96,2%	100,0%	90,3%	97,0%	86,99%
(7)	KTNN chuyên ngành V	52,85%	73,44%	98,91%	91,66%	56,68%	50,24%
(8)	KTNN chuyên ngành VI	99,47%	99,92%	99,92%	0,00%	0,00%	98,93%
(9)	KTNN chuyên ngành VII	96,68%	99,36%	99,54%	100,00%	69,14%	91,94%
(10)	KTNN khu vực I	65,36%	92,36%	97,61%	95,31%	69,90%	56,81%
(11)	KTNN khu vực II	86,42%	96,79%	100,00%	95,78%	98,89%	55,80%
(12)	KTNN khu vực III	90,29%	61,12%	21,96%	62,67%	87,36%	95,70%
(13)	KTNN khu vực IV	90,97%	92,58%	96,66%	91,97%	86,30%	87,11%
(14)	KTNN khu vực V	82,57%	98,46%	100,00%	100,00%	94,65%	76,88%
(15)	KTNN khu vực VI	98,88%	100,00%	0,00%	100,00%	100,00%	98,74%
(16)	KTNN khu vực VII	81,97%	99,00%	95,85%	98,43%	99,40%	8,74%
(17)	KTNN khu vực VIII	96,25%	90,66%	84,56%	99,67%	65,46%	99,98%
(18)	KTNN khu vực IX	95,93%	89,28%	99,98%	82,28%	92,99%	96,56%
(19)	KTNN khu vực X	86,40%	85,33%	90,22%	83,13%	92,71%	88,35%
(20)	KTNN khu vực XI	98,55%	95,34%	100,00%	95,32%	94,65%	99,81%
(21)	KTNN khu vực XII	82,41%	86,90%	30,69%	90,50%	99,68%	33,36%
(22)	KTNN khu vực XIII	63,15%	96,98%	82,07%	97,08%	95,81%	14,87%

(Chi tiết tại Phụ biểu số 01/BCKN2024 - NDNS 2022).

Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2024 đối với các cuộc kiểm toán năm 2023 về niên độ NSNN năm 2022 của Kiểm toán nhà nước (KTNN) cho thấy về cơ bản các đơn vị được kiểm toán đã thực hiện nghiêm túc các kết luận kiến nghị của KTNN về xử lý tài chính, kiến nghị khác, cụ thể:

Đến 31/12/2024, tổng số kiến nghị xử lý tài chính, kiến nghị khác đã thực hiện là 41.624,48 tỷ đồng/49.940,10 tỷ đồng², đạt tỷ lệ 83,35%, trong đó: Kiến nghị tăng thu, giảm chi 19.983,34 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 93,62% số kiến nghị; kiến nghị khác³ 21.641,13 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 75,68% số kiến nghị.

Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán theo từng đơn vị chủ trì kiểm toán đạt tỷ lệ từ 52,85% đến 100%; một số đơn vị có tỷ lệ thực hiện kiến nghị cao⁴ (trên 90%) một số đơn vị có tỷ lệ thực hiện kiến nghị đạt dưới trung bình chung toàn ngành⁵ (83,35%).

Về nguyên nhân chưa thực hiện đầy đủ các kết luận, kiến nghị kiểm toán: Theo báo cáo của các đơn vị, gồm: (i) Nhóm nguyên nhân thuộc về đơn vị được kiểm toán⁶ 7.610,95 tỷ đồng, chiếm 91,53 %; (ii) Nhóm nguyên nhân thuộc về trách

² Số kiến nghị gốc là 49.941,38 tỷ đồng, kiến nghị sau rà soát điều chỉnh là 49.940,10 tỷ đồng.

³ Bao gồm: Kiến nghị thu hồi và giảm chi cho doanh nghiệp 8,09 tỷ đồng; kiến nghị giảm lỗ 996,54 tỷ đồng; kiến nghị khác 20.636,5 tỷ đồng.

⁴ Các KTNN chuyên ngành: Ia, II, VI, VII; KTNN khu vực III, IV, VI, VIII, IX, XI, Vụ Pháp chế.

⁵ Các KTNN chuyên ngành: III, V; các KTNN khu vực: I, V, VII, XII, XIII.

⁶ Gồm: (i) Đơn vị được kiểm toán chưa thực hiện kiến nghị 7.309,25 tỷ đồng, chiếm 87,9%; (ii) Đơn vị được kiểm toán gặp khó khăn về tài chính 82,47 tỷ đồng, chiếm 0,99%; (iii) Đơn vị báo cáo đã thực hiện nhưng chưa cung cấp đủ tài liệu, hồ sơ để KTNN xác nhận đã thực hiện 46,35 tỷ đồng, chiếm 0,56%; (v) Chứng từ, tài liệu hồ sơ thực hiện kiến nghị chưa đảm bảo theo quy định 172,89 tỷ đồng, chiếm 2,08%.

nhiệm của KTNN⁷ 8,60 tỷ đồng chiếm 0,10 %; (iii) Nhóm nguyên nhân thuộc về bên thứ 3⁸ là 186,79 tỷ đồng chiếm 2,25 %; (iv) Nhóm nguyên nhân khác 509,28 tỷ đồng chiếm 6,12%.

(Chi tiết tại Phụ biểu số 02/BCKN2024 - NĐNS 2022).

1.2. Tổng số kiến nghị điều chỉnh giảm, điều chỉnh tăng

Tổng số kiến nghị xử lý tài chính, xử lý khác điều chỉnh giảm là 1,60 tỷ đồng, trong đó: một số BCKT đơn vị được kiểm toán đề nghị KTNN xem xét điều chỉnh và được KTNN thống nhất điều chỉnh giảm bằng văn bản là 1,43 tỷ đồng⁹; điều chỉnh giữa các chỉ tiêu kiến nghị kiểm toán (điều chỉnh giảm chi đầu tư xây dựng sang giảm chi thường xuyên) 0,17 tỷ đồng¹⁰.

Tổng số kiến nghị xử lý tài chính, xử lý khác điều chỉnh tăng 0,33 tỷ đồng¹¹, gồm: bổ sung kết quả kiểm toán do tổng hợp thiếu 0,16 tỷ đồng; điều chỉnh giữa các chỉ tiêu kiến nghị kiểm toán 0,17 tỷ đồng.

1.3. Tổng số kiến nghị xử lý tài chính, kiến nghị khác chưa thực hiện

Tổng số kiến nghị tăng thu, giảm chi, kiến nghị khác chưa được thực hiện là 8.315,63 tỷ đồng, bằng 16,65% tổng số kiến nghị sau điều chỉnh (49,940,10 tỷ đồng), trong đó: (i) Kiến nghị tăng thu, giảm chi 1.361,34 tỷ đồng chiếm 16,37%, (ii) Kiến nghị khác 6.954,29 tỷ đồng chiếm 83,63%.

2. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn, điều hành cơ chế, chính sách

Trên cơ sở khai thác số liệu trên phần mềm thực hiện kiến nghị kiểm toán của các đơn vị được giao chủ trì kiểm toán về tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán năm của KTNN đối với các kiến nghị về hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách cho thấy: Đến 31/12/2024, có 67¹²/214¹³ nội dung/văn bản đã được

⁷ Gồm: (i) Đơn vị báo cáo đã thực hiện nhưng KTNN đang xem xét để xác định kết quả THKN 8,59 tỷ đồng, chiếm 0,1%;

⁸ Gồm: (i) Chờ phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền 86,67 tỷ đồng, chiếm 1,04%; (ii) Do nhà thầu không hợp tác, phối hợp thực hiện kiến nghị, còn có tranh chấp giữa chủ đầu tư và nhà thầu 34,32 tỷ đồng, chiếm 0,41 %; (iii) Chưa được bố trí vốn thanh toán, đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán để thực hiện kiến nghị 7,90 tỷ đồng, chiếm 0,09 %; (iv) Chưa được phê duyệt quyết toán, thanh toán gói thầu, dự án làm cơ sở để thực hiện kiến nghị 57,90 tỷ đồng chiếm 0,70% tổng số kiến nghị chưa thực hiện.

⁹ BCKT: Kiểm toán ngân sách địa phương và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Khánh Hòa; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Khánh Hòa; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Khánh Hòa, số tiền 0,15 tỷ đồng; Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công năm 2022 tại Văn phòng Bộ Công an (V01), Cục Hậu cần (H07), Cục Trang bị và Kho vận (H03) là 1,29 tỷ đồng.

¹⁰ BCKT ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Kiên Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kiên Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kiên Giang.

¹¹ BCKT ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Kiên Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kiên Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kiên Giang.

¹² Gồm: 01 nghị định, 05 thông tư và 61 văn bản khác.

¹³ Theo Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2023: Số nội dung/ văn bản được KTNN kiến nghị hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung là 198 văn bản; số nội dung văn bản kiến nghị sau rà soát làm sạch dữ liệu là 214 nội dung/văn bản (các đơn vị cập nhật bổ sung trên phần mềm tổng hợp kết quả kiểm toán).

Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương yêu rà soát, nghiên cứu hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung theo kiến nghị của KTNN; còn 147¹⁴/214 nội dung/văn bản chưa được thực hiện hoàn thành, các đơn vị đang tiếp thu nghiên cứu sửa đổi theo quy định ban hành văn bản.

(Chi tiết theo Phụ biểu số 03, 03a/BCKN2024 - NĐNS 2022).

3. Kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân¹⁵

Trên cơ sở khai thác số liệu trên phần mềm thực hiện kiến nghị kiểm toán và qua trao đổi rà soát của Vụ Tổng hợp với các đơn vị được giao chủ trì kiểm toán về tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán năm đối với các kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân của KTNN cho thấy: Đến 31/12/2024, có 80/111 Báo cáo kiểm toán có kiến nghị kiểm điểm đã được các đơn vị thực hiện đầy đủ hoặc một phần theo kiến nghị của KTNN.

(Chi tiết tại phụ biểu số 04, 04a/BCKN2024 - NĐNS 2022).

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TÀI CHÍNH, KIẾN NGHỊ KHÁC CÁC NIÊN ĐỘ NSNN NĂM 2021 TRỞ VỀ TRƯỚC

Đơn vị tính: Tỷ đồng

T T	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Kiến nghị khác
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX	Thu hồi, giảm chi ĐT	
A	B	1=2+3	2=2.1+2.2+2.3	2.1	2.2	2.3	3
1	Số kiến nghị (1)	516.282,23	217.632,82	83.678,96	78.774,76	55.179,10	298.649,41
2	Số điều chỉnh giảm (2)	11.973,13	7.514,91	5.050,70	490,82	1.973,40	4.458,22
3	Số điều chỉnh tăng (3)	8.390,03	1.965,52	291,71	1.370,51	303,29	6.424,51
4	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	446.175,44	188.151,04	70.409,70	74.426,38	43.314,96	258.024,40
5	Số thực hiện trong kỳ (5)	8.255,49	3.014,38	712,70	1.273,76	1.027,93	5.241,10
6	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6) = (4) + (5)	454.431,02	191.165,52	71.122,40	75.700,14	44.342,98	263.265,50
7	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	58.268,11	20.917,91	7.797,57	3.954,32	9.166,02	37.350,20
8	Tỷ lệ 8=6/(1-2+3)*100%	88,64%	90,14%	90,12%	95,04%	82,87%	87,58%

(Chi tiết tại Phụ biểu số 01a/BCKN2024 - NĐNS 2021VT).

Trong năm 2024, các đơn vị được kiểm toán đã tiếp tục thực hiện các kiến nghị của KTNN đối với niên độ NSNN năm 2021 trở về trước, trong đó: Kiến nghị xử lý tài chính, kiến nghị khác thực hiện thêm được 8.255,49 tỷ đồng, gồm: Tăng thu, giảm chi NSNN 3.014,38 tỷ đồng; kiến nghị khác¹⁶ 5.241,10 tỷ đồng bằng

¹⁴ Gồm 01 luật, 08 nghị định, 03 nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 21 thông tư và 114 văn bản khác.

¹⁵ Theo Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2023 có 107 BCKT có kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân, sau rà soát làm sạch dữ liệu có 111 BCKT có kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân (các đơn vị cập nhật bổ sung trên phần mềm tổng hợp kết quả kiểm toán).

¹⁶ Gồm: Kiến nghị thu hồi và giảm chi cho doanh nghiệp 2,70 tỷ đồng; kiến nghị khác 5.238,41 tỷ đồng.

12,4% kiến nghị còn lại chưa thực hiện tại thời điểm 31/12/2023 sau rà soát, điều chỉnh và làm sạch dữ liệu (66.523,6 tỷ đồng).

Đến 31/12/2024, tổng số kiến nghị tăng thu, giảm chi, kiến nghị khác niên độ NSNN năm 2021 trở về trước chưa thực hiện là 58.268,11 tỷ đồng, trong đó một số đơn vị có số kiến nghị xử lý tài chính, kiến nghị khác chưa được thực hiện tồn đọng lớn¹⁷.

Theo báo cáo của các đơn vị, nguyên nhân chưa thực hiện gồm: (i) Nhóm nguyên nhân thuộc về đơn vị được kiểm toán 33.045,53 tỷ đồng, chiếm 56,71%¹⁸; (ii) Nhóm nguyên nhân thuộc về trách nhiệm của KTNN 165,32 tỷ đồng, chiếm 0,28 %¹⁹; (iii) Nhóm nguyên nhân thuộc về bên thứ 3 là 15.624,60 tỷ đồng chiếm 26,81%²⁰; (iv) Nhóm nguyên nhân khác 9.432,66 tỷ đồng chiếm 16,19%²¹.

(Chi tiết tại Phụ biểu số 02a/BCKN2024 - NĐNS 2021VT).

(2) Về kiến nghị văn bản có 83 nội dung/văn bản đã được Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo kiến nghị của KTNN.

(Chi tiết tại Phụ biểu số 03b/BCKN2024 - NĐNS 2021VT).

Kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân: 232 nội dung kiến nghị về kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân đối với niên độ NSNN năm 2021 trở về trước đã được các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện bổ sung trong năm 2024.

(Chi tiết tại Phụ biểu số 04b/BCKN2024 - NĐNS 2021VT).

III. CÔNG TÁC TỔ CHỨC KIỂM TRA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN; VIỆC CẬP NHẬT KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA CÁC KTNN CHUYÊN NGÀNH VÀ KHU VỰC

Qua rà soát, tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2023 về niên độ ngân sách 2022 của toàn ngành cho thấy: Các KTNN chuyên ngành và khu vực thực hiện nghiêm túc việc lập kế hoạch và kiểm tra tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị; công tác kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán

¹⁷ KTNN chuyên ngành II, IV, V, KTNN khu vực I, IV, XIII.

¹⁸ Gồm: (i) Đơn vị được kiểm toán chưa thực hiện kiến nghị 23.492,23 tỷ đồng, chiếm 40,32%; (ii) Đơn vị được kiểm toán gặp khó khăn về tài chính 4.489,05 tỷ đồng, chiếm 7,70%; (iii) Đơn vị được kiểm toán không còn hoạt động hoặc dừng hoạt động 1.344,37 tỷ đồng, chiếm 2,31%; (iv) Đơn vị báo cáo đã thực hiện nhưng chưa cung cấp đủ tài liệu, hồ sơ để KTNN xác nhận đã thực hiện 2.906,76 tỷ đồng, chiếm 4,99 %; (vi) Chứng từ, tài liệu hồ sơ thực hiện kiến nghị chưa đảm bảo theo quy định 813,14 tỷ, chiếm 1,40%.

¹⁹ Gồm: (i) Đơn vị báo cáo đã thực hiện kiến nghị nhưng KTNN đang xem xét để xác định kết quả THKN là 11,18 tỷ đồng, chiếm 0,02%; (ii) Đơn vị chưa thống nhất với kiến nghị của KTNN 154,14 tỷ đồng, chiếm 0,26%.

²⁰ Gồm: (i) Chờ phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền 9.410,38 tỷ đồng, chiếm 16,15%; (ii) Vương mắc về cơ chế, chính sách trong quá trình thực hiện kiến nghị của KTNN: 527,18 tỷ đồng chiếm 0,90%; (iii) Do nhà thầu không hợp tác, phối hợp thực hiện kiến nghị của KTNN, còn có tranh chấp giữa chủ đầu tư và nhà thầu: 1.600,94 tỷ đồng, chiếm 2,75%; (iv) Chưa được bố trí vốn thanh toán, đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán để thực hiện kiến nghị của KTNN 1.468,87 tỷ đồng, chiếm 2,52 %; (v) Chưa được phê duyệt quyết toán, thanh toán gói thầu, dự án làm cơ sở để thực hiện kiến nghị của KTNN 2.617,28 tỷ đồng, chiếm 4,49%.

²¹ Gồm: (i) Chưa đến thời điểm đơn vị báo cáo thực hiện kiến nghị 64,08 tỷ đồng, chiếm 0,11%; (ii) Nhóm nguyên nhân khác 9.368,58 tỷ đồng, chiếm 16,08%.

ngày càng được chú trọng; việc cập nhật kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị trên phần mềm cơ bản thực hiện theo quy định, tuy nhiên, còn một số tồn tại như sau:

1. Còn khá nhiều kiến nghị kiểm toán chưa được các đơn vị được kiểm toán thực hiện hoàn thành; còn những kiến nghị kiểm toán chưa đúng dẫn đến việc phải điều chỉnh kiến nghị kiểm toán; công tác phối hợp, theo dõi, nghiên cứu giải quyết khiếu nại kiến nghị kiểm toán của đơn vị được kiểm toán chưa hiệu quả dẫn đến thời gian giải quyết kiến nghị chưa kịp thời.

2. Còn trường hợp một số kết luận, kiến nghị kiểm toán là đúng quy định của Pháp luật nhưng không còn khả năng thực hiện do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng (đơn vị được kiểm toán hoặc đơn vị có liên quan bị giải thể, phá sản; cá nhân liên thực hiện kiến nghị đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự,...) vẫn đang được KTNN theo dõi. Qua rà soát sơ bộ, theo đó số kiến nghị kiểm toán không còn khả năng thực hiện khoảng 4.758,7 tỷ đồng bao gồm: (i) phá sản 12,34 tỷ đồng (ii) giải thể 273,94 tỷ đồng, (iii) chết, mất tích 1,43 tỷ đồng, (iv) Các trường hợp bất khả kháng khác 4.471,07 tỷ đồng. Về vấn đề này, thực hiện Nghị quyết số 132/2024/QH15 KTNN đã có Công văn số 325/KTNN-TH ngày 01/04/2025 gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, đề xuất cơ chế xử lý chung đối với các kết luận, kiến nghị thanh tra, kiểm toán không còn khả năng thực hiện tại BCQT NSNN năm 2023 gửi UBND Quốc hội, Quốc hội.

3. Số liệu, thông tin thực hiện kiến nghị kiểm toán các đơn vị cập nhật trên phần mềm chưa chính xác, chưa đầy đủ như tại các Báo cáo tổng hợp tình hình theo dõi thực hiện kiến nghị năm, chưa đúng với tình hình thực hiện của các đơn vị được kiểm toán; nguyên nhân chủ yếu do:

- Năm 2024, KTNN tiến hành rà soát, làm sạch dữ liệu tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán (đối với các kiến nghị từ năm 2006 đến nay); bắt đầu thực hiện cập nhật dữ liệu theo mẫu biểu báo cáo kết quả việc thực hiện các kết luận, kiến nghị mới²² trong khi phần mềm thực hiện kiến nghị kiểm toán mới đưa vào sử dụng vẫn còn phát sinh lỗi kỹ thuật dẫn đến các đơn vị cập nhật dữ liệu còn khó khăn, lúng túng.

- Các thông tin về kiến nghị hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách trên phần mềm cũ chưa được phân loại đầy đủ dẫn đến khó khăn trong quá trình chuyển đổi dữ liệu sang phần mềm mới; với khối lượng công việc lớn và do hạn chế về nhân lực nên hiện nay Cục CNTT mới hoàn thành việc rà soát dữ liệu của năm 2023, 2024, những số liệu trước năm 2023 vẫn chưa đảm bảo chính xác.

- Còn tình trạng một số đơn vị chưa thực sự quan tâm bố trí nhân lực, thời gian thực hiện theo dõi, cập nhật số liệu lên phần mềm.

²² Ban hành theo Quyết định số 1588/QĐ-KTNN ngày 18/12/2023 của Tổng KTNN quy định theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC THEO DÕI, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KTNN

Để khắc phục những hạn chế, tồn tại qua công tác kiểm tra tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị kiểm toán và việc cập nhật dữ liệu trên phần mềm kiến nghị kiểm toán như đã nêu trên, Tổng KTNN yêu cầu:

1. Từ năm 2025, các số liệu tổng hợp về tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán để phục vụ công tác điều hành, lập báo cáo của ngành sẽ được sử dụng hoàn toàn thông qua chiết xuất dữ liệu từ phần mềm của KTNN. Các đơn vị có trách nhiệm bố trí thời gian và nhân lực đủ năng lực, kinh nghiệm, thường xuyên cập nhật dữ liệu vào phần mềm kiến nghị kiểm toán đảm bảo kịp thời, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu cập nhật trên phần mềm.

2. Cục Công nghệ thông tin:

(i) Tăng cường công tác phối hợp, hỗ trợ các đơn vị trong việc xử lý, giải quyết kịp thời các vướng mắc khi cập nhật, tổng hợp dữ liệu kiến nghị trên phần mềm kiến nghị kiểm toán.

(ii) Khẩn trương chuyển thông tin dữ liệu từ phần mềm cũ sang phần mềm mới đảm bảo tính chính xác, khớp đúng.

(iii) Đẩy nhanh công tác rà soát, đối chiếu với phần mềm cũ hoàn thành trước ngày 30/6/2025.

3. Các KTNN chuyên ngành, khu vực:

(i) Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán, đảm bảo các kết luận, kiến nghị kiểm toán phải đúng pháp luật, đầy đủ bằng chứng, phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi.

(ii) Tăng cường phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương được kiểm toán trong việc kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện nghiêm túc kiến nghị kiểm toán và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

(iii) Nâng cao trách nhiệm trong công tác phối hợp nghiên cứu, tham mưu, giải quyết các kiến nghị, khiếu nại của đơn vị được kiểm toán theo đúng quy định.

(iv) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quy định theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước ban hành theo Quyết định số 02/2022/QĐ-KTNN ngày 03/11/2022; Hướng dẫn hồ sơ mẫu biểu theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán nhà nước ban hành Quyết định số 1588/QĐ-KTNN ngày 18/12/2023; Quyết định số 12/QĐ-KTNN ngày 03/01/2024 về Quy chế cập nhật dữ liệu trong hoạt động kiểm toán;...

(v) Phối hợp với Cục CNTT để phân loại các kiến nghị về hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách để phân loại dữ liệu được chuyển đổi.

(vi) Sau khi cơ chế xử lý chung đối với các kết luận, kiến nghị kiểm toán không còn khả năng thực hiện được cấp có thẩm quyền ban hành, các KTNN

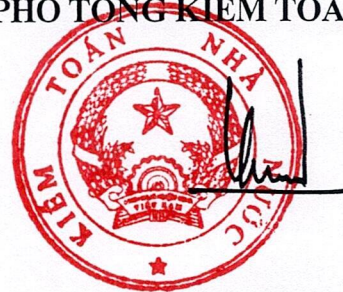
chuyên ngành, khu vực có trách nhiệm tiếp tục phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, đơn vị được kiểm toán rà soát, xử lý theo đúng quy định.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán năm 2024 của các đơn vị được giao chủ trì kiểm toán đối với niên độ NSNN năm 2022 và các kiến nghị năm trước chưa thực hiện hoàn thành./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo KTNN;
- Các KTNN chuyên ngành, khu vực;
- Các đơn vị: VP KTNN, Vụ Tổng hợp, Vụ Pháp chế, Vụ chế độ và KSCLKT, Thanh tra KTNN;
- Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng KTNN;
- Lưu: VT.

KT. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
PHÓ TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



Trần Minh Khương